

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104944595 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/10/2010, thay đổi lần 6 ngày 03/02/2016)
Địa chỉ: Số 30B Đường Đoàn Thị Điểm, Phường Quốc Tử Giám, TP Hà Nội
Điện thoại: 04 3845 7360 – 3823 3786 Fax: 04 3732 3483
Website: diachatvietbac.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Hồ Mạnh Cường

Số điện thoại: 04.38233786

Chức vụ: Thư ký HĐQT

Số Fax: 04.37323483

MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	1
II.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....	2
1.	Giới thiệu chung về Công ty đại chúng.....	2
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	2
3.	Quá trình tăng vốn của công ty.....	3
4.	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	3
5.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	4
6.	Cơ cấu cổ đông.....	7
7.	Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết:.....	8
8.	Hoạt động kinh doanh.....	8
9.	Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
10.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	15
11.	Chính sách đối với người lao động.....	16
12.	Chính sách cổ tức.....	17
13.	Tình hình tài chính.....	17
14.	Tài sản (Nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty).....	21
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	23
16.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty.....	24
17.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	24
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có).....	25
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	25
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.....	25
2.	Ban kiểm soát.....	31
3.	Ban Giám đốc.....	35
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty.....	36
IV.	PHỤ LỤC.....	37

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1:	Cơ cấu cổ đông của Công ty	7
Bảng 2:	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần	7
Bảng 3:	Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm của Công ty.....	8
Bảng 4:	Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ	9
Bảng 5:	Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty	11
Bảng 6:	Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	13
Bảng 7:	Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm của Công ty	13
Bảng 8:	Cơ cấu lao động của Công ty	16
Bảng 9:	Bảng trích lập các quỹ của Công ty	18
Bảng 10:	Các khoản phải thu.....	18
Bảng 11:	Các khoản phải trả	20
Bảng 12:	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	20
Bảng 13:	Tài sản cố định tại ngày 31/12/2015 của Công ty.....	21
Bảng 14:	Tình hình đất đai của Công ty	22
Bảng 15:	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	23

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản tóm tắt thông tin này có nội dung như sau:

TKV	:	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
VP	:	Văn phòng
MTV	:	Một thành viên
CTCP	:	Công ty cổ phần
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
TSCĐ	:	Tài sản cố định
QLDN	:	Quản lý doanh nghiệp
LN	:	Lợi nhuận
GCNQSDĐ	:	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
CN	:	Chi nhánh
BCTC	:	Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014, năm 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2010 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Giới thiệu chung về Công ty đại chúng

Tên công ty	:	Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Tên tiếng Anh	:	Vinacomin – Viet Bac Geology Join Stock Company
Tên viết tắt	:	VBG
Trụ sở chính	:	30B Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	:	04 3845 7360 - 3823 3786
Fax	:	04 3732 3483
Website	:	<i>diachatvietbac.vn</i>
Vốn điều lệ đăng ký	:	86.000.000.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ đồng chẵn)
Vốn điều lệ thực góp	:	86.000.000.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ đồng chẵn)
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Lê Đức Long, Chức danh: Giám đốc
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104944595 đăng ký lần đầu ngày 05/10/2010, thay đổi lần 6 ngày 03/02/2016
Ngành nghề kinh doanh chính	:	<ul style="list-style-type: none">- Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước;- Khoan thăm dò than; Khoan thăm dò khoáng sản;- Khoan địa chất công trình và cọc nhồi; Thiết kế các mỏ, các công trình vừa và nhỏ; Đánh giá tác động môi trường các công trình;- Công tác Địa vật lý; Phân tích thí nghiệm các loại mẫu than, khoáng sản, cơ lý đất đá, nước.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin được thành lập theo Quyết định số 2325/QĐ-HĐTV ngày 28 tháng 09 năm 2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI; Công ty Thăm dò khai thác khoáng sản 109 - TKV và Công ty cổ phần Khoan và dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ.

Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI tiền thân là Xí nghiệp Dịch vụ khảo sát thiết kế được thành lập theo Quyết định số 1265- NL/TCCB ngày 26/10/1988 của Bộ Năng Lượng. Năm 1991, Xí nghiệp Dịch vụ khảo sát thiết kế được chuyển về Công ty Than 3 nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc. Năm 1994, Xí nghiệp Thăm dò khảo sát 3 (Yên Viên - Hà Nội) được sát nhập vào Xí nghiệp Dịch vụ khảo sát thiết kế và được đổi tên thành

Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật thuộc Công ty than Nội Địa nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc. Năm 2006, Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật được đổi tên thành Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI thuộc Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc.

Công ty Thăm dò khai thác khoáng sản 109 - TKV tiền thân là Đoàn địa chất 14 được thành lập theo Quyết định số 407/ĐC ngày 27/12/1958 của Giám đốc Sở địa chất thuộc Bộ Công Nghiệp từ ngày thành lập cho đến nay thực hiện 05 Quyết định điều chuyển nguyên trạng đơn vị và 6 lần đổi tên.

Ngày 19/11/2014, Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - Vinacomin được đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - TKV theo quyết định số 2477/QĐ-HĐTV của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 314/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015; Văn bản số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-TKV là một trong những đơn vị sẽ thực hiện cổ phần hóa chuyên sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Ngày 28/01/2015 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 118/QĐ-TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV.

Ngày 30 tháng 10 năm 2015, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 2196/QĐ-TKV về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV thành công ty cổ phần.

Ngày 07/12/2015, tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã tổ chức phiên đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV, giá đấu thành công bình quân 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 03/02/2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0104944595 với vốn điều lệ là 86.000.000.000 đồng (Tám mươi sáu tỷ đồng).

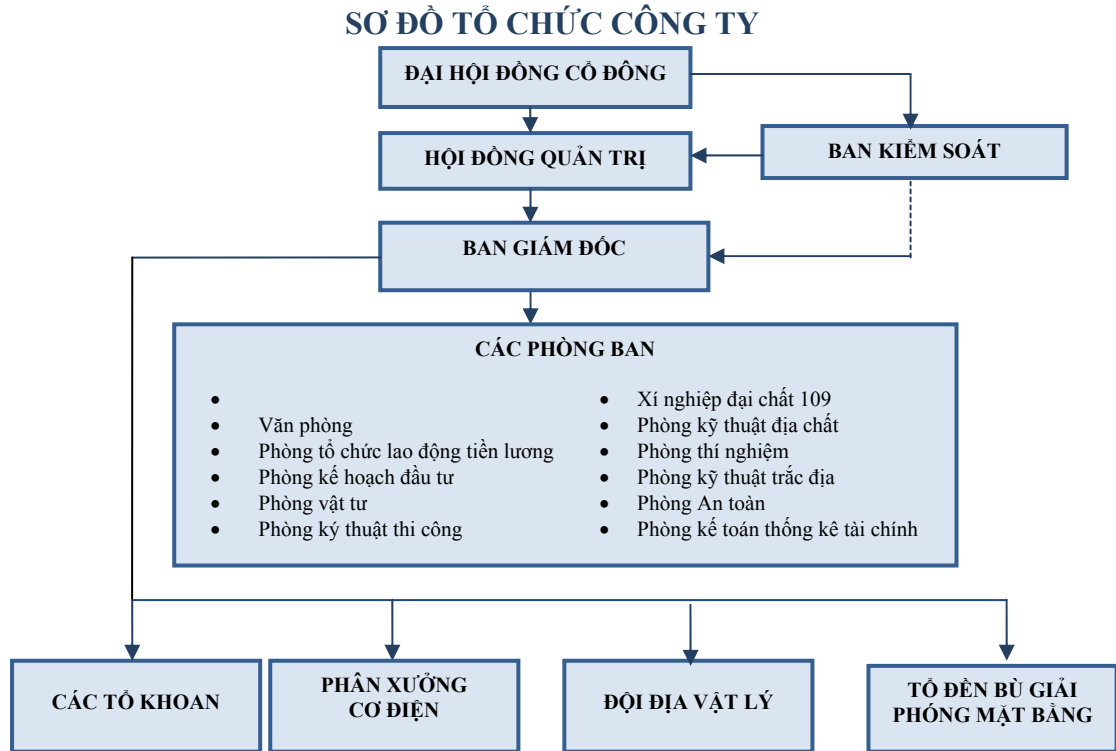
Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 03/02/2016, kế thừa các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV theo các quy định của pháp luật.

3. Quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ thời điểm 03/02/2016 với vốn điều lệ là 86.000.000.000 đồng, từ thời điểm đó đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn.

4. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ cấu tổ chức Công ty được thể hiện dưới sơ đồ sau:



5. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần, gồm:

❖ Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu , thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc gồm có một Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật và các Phó Giám đốc giúp việc, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của Giám đốc và Phó Giám đốc được quy định tại điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.

❖ **Các phòng ban**

✓ **Văn phòng**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp lãnh đạo Công ty về công tác văn phòng, văn thư. Tổng hợp, hành chính, quản trị, lễ tân, khánh tiết; công tác thi đua khen thưởng, văn hóa thể thao và công tác pháp chế.

✓ **Phòng Tổ chức - lao động tiền lương**

- Tham mưu về các lĩnh vực: Tổ chức - cán bộ - Lao động - Tiền lương; chế độ chính sách đối với người lao động.
- Quản lý và thực hiện nghiệp vụ tổ chức - cán bộ - Lao động - Tiền lương.
- Công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh dịch trong toàn Công ty.

✓ **Phòng Kế hoạch - đầu tư**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp lãnh đạo Công ty trong việc tổ chức, quản lý, theo dõi thực hiện công tác kế hoạch, hợp đồng kinh tế, quản lý giá thành, công tác đầu tư - xây dựng cơ bản của Công ty và đơn vị trực thuộc

✓ **Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính**

- Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty trong công tác kế toán, thống kê và huy động vốn, quản lý và sử dụng vốn theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, Quy chế tài chính Tập đoàn, Công ty.

- Tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật.
 - ✓ **Phòng Vật tư**
 - Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty tổ chức quản lý mua, bán, sử dụng những vật tư, thiết bị dùng trong sản xuất kinh doanh bao gồm vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thiết bị; quản lý cung ứng bảo quản vật tư, phụ tùng thiết bị phục vụ cho sản xuất, thu cũ đổi mới tái sử dụng và thanh lý vật tư thu hồi, tồn đọng.
 - ✓ **Phòng An toàn**
 - Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát về công tác an toàn - vệ sinh lao động, công tác môi trường và phòng cháy chữa cháy của Công ty.
 - ✓ **Phòng Thí nghiệm**
 - Thực hiện chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về quản lý, thực hiện công tác thí nghiệm và nghiên cứu, đề xuất các biện pháp tối ưu phục vụ công tác thí nghiệm trong Công ty.
 - ✓ **Phòng kỹ thuật trắc địa**
 - Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực kỹ thuật trắc địa được giao và chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời về số liệu đo đạc, bản đồ trước Giám đốc Công ty các cơ quan quản lý có thẩm quyền.
 - Quản lý, cập nhật, lưu trữ cơ sở dữ liệu trắc địa, hồ sơ tài liệu kỹ thuật, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới công tác quản lý kỹ thuật trắc địa.
 - Chủ trì và tổ chức thực hiện công tác khảo sát đo vẽ bản đồ địa hình cung cấp tài liệu phục vụ lập các dự án của Công ty.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty phân công.
 - ✓ **Phòng Kỹ Thuật địa chất**
 - Thực hiện chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về toàn bộ công tác kỹ thuật địa chất thăm dò, công tác địa chất công trình, địa chất thủy văn và bảo mật tài liệu, hồ sơ địa chất của Công ty.
 - Thực hiện các công việc về công tác kỹ thuật địa chất thăm dò, công tác địa chất công trình, địa chất thủy văn; lập các phương án, báo cáo địa chất, theo dõi thi công các công trình khoan thăm dò, thi công địa chất công trình, địa chất thủy văn, kỹ thuật đào hào - giếng, ghi chép cập nhật số liệu theo quy định.
 - ✓ **Phòng kỹ thuật thi công**
 - Thực hiện chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về toàn bộ công tác thi công, tổ chức thi công các công trình khoan thăm dò địa chất.
-

- Lập các phương án thi công phục vụ cho công tác chỉ đạo thi công các công trình địa chất trên cơ sở phương án kỹ thuật, thi công đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và nhiệm vụ thực tế của từng công trình.
 - Tổ chức thực hiện thi công các công trình khoan địa chất theo phương án kỹ thuật, phương án thi công được duyệt; xây dựng và tổng hợp báo cáo thi công thăm dò; tổng hợp tài liệu thi công thăm dò.
- ✓ **Phân xưởng Cơ điện**
- Thực hiện chức năng tham mưu giúp Lãnh đạo Công ty về công tác cơ điện; quản lý, tổ chức điều hành công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị và tổ bảo vệ tại khu vực Yên Viên.
- ✓ **Đội địa vật lý**
- Có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty trong lĩnh vực địa vật lý lỗ khoan.
- ✓ **Tổ đền bù giải phóng mặt bằng**
- Có chức năng tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng các công trình khoan thăm dò.

6. Cơ cấu cổ đông

6.1. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/3/2016: 432 cổ đông

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	432	8.600.000	100%
1	Tổ chức	1	7.912.000	92%
2	Cá nhân	431	688.000	8%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		432	8.600.000	100%

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 31/03/2016 của CTCP Địa chất Việt Bắc - TKV)

6.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tính đến ngày 31/3/2016):

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ CMT	Địa chỉ	Người đại diện sở hữu cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 226 Lê Duẩn, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	Ông Nguyễn Văn Dậu. Số CMND: 100773145 cấp ngày 28/07/2014 tại Công An tỉnh Quảng Ninh	7.912.000	92%
	Tổng				7.912.000	92%

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 31/3/2016 của CTCP Địa chất Việt Bắc - TKV)

7. Danh sách công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết:

✓ Công ty mẹ:

Tên công ty: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Địa chỉ: số 226 Lê Duẩn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Vốn điều lệ: 35.000.000.000.000 (Ba mươi lăm nghìn tỷ đồng)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100256 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 21/10/2014.

Tỷ lệ góp vốn thực tế tại công ty: 7.912.000 cổ phần tương đương 92% vốn điều lệ

✓ Công ty con: không có

✓ Công ty mà Công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có

✓ Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (thông tin chi tiết được trình bày tại phần Công ty mẹ)

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty bao gồm 2 hoạt động chính là Thăm dò địa chất và Trắc địa. Hoạt động của Công ty chủ yếu là thực hiện các dự án khoan thăm dò phục vụ khai thác than, khoáng sản của Tập đoàn TKV. Ngoài ra, từ thời điểm trước năm 2014, một phần lớn doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh vật tư và dịch vụ. Tuy nhiên, hiện tại, do đã thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác Mỏ là đơn vị đóng góp doanh thu từ hoạt động kinh doanh vật tư và dịch vụ. Do vậy hiện tại, hoạt động của Công ty chỉ còn Thăm dò địa chất và Trắc địa.

8.2. Tình hình hoạt động kinh doanh

❖ Cơ cấu doanh thu qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số liệu Công ty mẹ		Số liệu toàn Công ty	
		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015

*Thông tin tóm tắt - CTCP Địa chất Việt Bắc -
TKV*

		Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
1	Thăm dò địa chất	209.851	97,50	208.636	94,6	224.885	71,92	208.636	79,8
2	Trắc địa	5.392	2,50	11.931	5,4	5.392	1,72	11.931	4,6
3	Kinh doanh VT và dịch vụ khác	-	-	-	-	82.408	26,35	40.940	15,6
	Tổng cộng	215.242	100	220.567	100	312.684	100	261.508	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV)

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ tập trung chủ yếu vào 2 hoạt động chính là: hoạt động thăm dò địa chất (than, khoáng sản) và trắc địa. Hoạt động kinh doanh vật tư và khác là hoạt động của Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ (công ty con). Tháng 9/2015, Công ty đã thoái hết vốn góp tại Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ và đem lại khoản doanh thu từ hoạt động tài chính 6,7 tỷ đồng.

Doanh thu thuần từ hoạt động thăm dò địa chất của Công ty chiếm tỷ trọng lớn từ 94,6% đến 97,5% tổng doanh thu thuần của công ty mẹ (chủ yếu là từ hoạt động thăm dò than, hoạt động thăm dò khoáng sản chiếm tỷ trọng nhỏ và có xu hướng giảm sút). Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động thăm dò địa chất có xu hướng giảm nhẹ, cụ thể: năm 2015 doanh thu thuần giảm 2,9% so với năm 2014.

Doanh thu thuần từ hoạt động trắc địa của Công ty mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu thuần nhưng lợi nhuận gộp từ hoạt động này khá ổn định và có xu hướng tăng.

❖ **Cơ cấu chi phí SXKD**

Bảng 4: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Số liệu Công ty Mẹ				Số liệu hợp nhất			
	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Tổng DTT	215.242		220.567		312.684		261.508	
Giá vốn hàng bán	190.074	88,3%	201.929	91,5%	272.862	87,3%	238.647	91,3%
Chi phí tài chính	3.307	1,5%	1.422	0,6%	5.136	1,6%	1.437	0,5%
Chi phí bán hàng					2.563	0,8%	1.060	0,4%
Chi phí QLDN	18.400	8,5%	20.902	9,5%	25.859	8,3%	24.064	9,2%
Chi phí khác	653	0,3%	649	0,3%	654	0,2%	649	0,2%
Tổng chi phí	212.435	98,7%	224.902	102,0%	307.074	98,2%	265.857	101,7%

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015 của
Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)*

Giá vốn hàng bán của công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, trên 87% trong cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong đó phần lớn là chi phí khấu hao máy móc thiết bị.

Do đặc thù hoạt động sản xuất địa chất, các công trình, dự án thường có chu kỳ sản xuất dài, dẫn đến việc tổ chức nghiệm thu thanh toán vốn chậm, vòng quay vốn lưu động chậm, Công ty phải huy động tài chính từ nhiều nguồn vay. Theo đó, chi phí tài chính của Công ty tương đối lớn, Công ty đang phải chịu áp lực nhất định về chi phí lãi vay. Tuy nhiên với nỗ lực tăng cường nội lực tài chính của Công ty, chi phí tài chính của Công ty 2 năm trở lại đây có xu hướng giảm dần.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: chiếm khoảng từ 8,3% đến hơn 9,2% doanh thu thuần, cho thấy mức độ biến động từng loại chi phí qua các năm là không nhiều. Bên cạnh giá vốn hàng bán thì đây là chi phí chiếm tỷ trọng cao thứ hai trong cơ cấu chi phí. Xét về tỷ trọng của chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần có xu hướng tăng qua các năm. Nguyên nhân là do việc thực hiện cổ phần hóa vào năm 2015 làm phát sinh thêm các khoản chi phí.

❖ Nguyên vật liệu, và sự ổn định của nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu, nhiên liệu Công ty sử dụng là không đa dạng và khá phổ biến nên Công ty không sử dụng một nhà cung cấp cố định nào cho các loại nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty thường sử dụng các nhà cung cấp là các đại lý nhiên liệu nơi thi công công trình: Hà Nội, Quảng Ninh... giúp Công ty tiết kiệm được chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, bảo quản nguyên vật liệu.

+ Về nhiên liệu: xăng và dầu Diesel là nhiên liệu chính, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Để đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất và tiết kiệm chi phí vận chuyển, lưu kho, Công ty tổ chức ký hợp đồng mua xăng dầu với các đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh, huyện nơi có công trình thi công (Quảng Ninh, Tuyên Quang) như Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh, Công ty xăng dầu Tuyên Quang... Vì là nhiên liệu phổ thông và có rất nhiều các đơn vị trong nước cung cấp nên nguồn cung cấp nhiên liệu của Công ty là ổn định đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất của Công ty với chất lượng phù hợp và giá cả cạnh tranh. Tuy nhiên, 9 tháng đầu năm 2015 giá xăng dầu biến động có sự thay đổi tăng/giảm khá nhiều lần, theo đó lợi nhuận của Công ty cũng bị ảnh hưởng.

+ Về vật tư: Vật tư chủ yếu của Công ty là những vật tư cơ khí, phụ tùng máy các loại dùng để thay thế cho sửa chữa cho các thiết bị, máy móc phục vụ công tác khoan, thăm dò. Nguồn cung cấp cung ứng vật tư chủ yếu của Công ty trong những năm qua tương đối ổn định, được cung cấp bởi các công ty chuyên kinh doanh vật tư phục vụ cho khoan thăm dò địa chất như: Xí nghiệp Dịch vụ thiết bị vật tư, Công ty TNHH Thương mại và SX Phương Hoàng, Công ty Cổ phần vật tư địa chất... Do giá cả vật tư chủ yếu dùng cho công nghệ khoan truyền thống nên ít biến động và ảnh hưởng không nhiều đến lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, để có nguồn nguyên nhiên vật liệu ổn định, đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh

doanh, Công ty xây dựng Kế hoạch sản xuất và kế hoạch cung ứng vật tư theo tháng, quý dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh được lập định kỳ hàng năm. Do đó, việc cung ứng vật tư của Công ty sát với tình hình thực tế và không bị thiếu hụt hay chậm trễ.

Bên cạnh đó, nguồn cung ứng nguyên, nhiên vật liệu của Công ty chủ yếu được mua từ các khách hàng truyền thống, các đơn vị có uy tín. Theo đó, chất lượng vật tư, tiến độ cung cấp luôn đáp ứng nhu cầu của Công ty với giá cả cạnh tranh.

❖ **Trình độ công nghệ**

Hiện nay Công ty đã đầu tư thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong và ngoài nước. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng đòi hỏi về tiến bộ khoa học ngày càng cao của xã hội.

Tuy nhiên, để đáp ứng công tác khảo sát, thăm dò để duy trì và phát triển các mỏ hiện tại đồng thời mở thêm các mỏ mới theo định hướng phát triển của Ngành Than, Công ty phải tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại.

Hiện tại, Công ty có một số dây chuyền, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

Bảng 5: Trình độ công nghệ của một số dây chuyền sản xuất của Công ty

STT	Đối tượng	Thiết bị	Số lượng	Năng lực
1	Công tác Trắc địa	Máy toàn đạc điện tử Leica	07	Đo bằng tia laser
		Máy Thủy chuẩn Topcon	06	Đo độ chênh cao địa hình
		Máy định vị GPS cầm tay	05	Định vị, dẫn hướng vệ tinh
2	Công tác khoan	Máy khoan HXY – 5	02	Khoan sâu đến 1800m
		Máy khoan XY – 44	18	Khoan sâu đến 1400m
		Máy khoan HXY – 42T	04	Khoan sâu từ 700 - 1100m
		Máy khoan Zip 1200-612	03	Khoan sâu đến 1200m
		Máy khoan HXY-6A	01	Khoan sâu đến 2000m
		Máy phát điện	05	Công suất 3 KVA
3	Công tác khai đào	Máy nén khí	06	Phục vụ công tác khoan nổ mìn, bơm nước thí nghiệm
		Máy bơm bùn BW-250	04	Phục vụ bơm bùn
		Dụng cụ thi công khai đào thủ công	06	Thi công khai đào tầng phong hóa.
4	Công tác đo địa vật	Trạm đo địa vật lý lấp trọn	01	Đo sâu đến 2000 m

STT	Đối tượng	Thiết bị	Số lượng	Năng lực
	lý	bộ trên xe ô tô		
5	Xưởng gia công mẫu phòng thí nghiệm	Máy xẻ mẫu	05	Xẻ mẫu lõi khoan
		Máy nghiền hàm ếch	03	Phá mẫu đầu vào kích thước 1x2cm, đầu ra kích thước 0,5x1 cm
		Máy nghiền đĩa	02	Nghiền mẫu đến kích thước 0,1mm
6	Xưởng Cơ khí	Máy hàn điện	04	Máy hàn que
		Máy mài bàn	03	Đường kính mài 200mm, công suất 700W
		Máy mài góc	02	Công suất 650W

(Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc- TKV)

❖ ***Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ***

Các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được kiểm tra theo quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành. Phòng Thí nghiệm thực hiện theo các tiêu chuẩn chất lượng như ISO 17025; Las XD; VILAS đảm bảo chất lượng các sản phẩm, dịch vụ trước khi cung cấp cho khách hàng.

❖ ***Hoạt động Marketing***

Hiện tại, các hoạt động marketing mà Công ty đang thực hiện hướng đến rộng khắp cả trong ngành và ngoài ngành. Công ty là công ty con của Tập đoàn TKV, theo đó dịch vụ khoan, thăm dò địa chất của Công ty một phần phục vụ thị trường nội bộ của TKV. Hàng năm Tập đoàn TKV và Công ty ký hợp đồng phối hợp kinh doanh để thực hiện các dự án khai thác mỏ của Tập đoàn TKV. Hiện tại, Công ty tập trung chú trọng đến chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng ở mức tốt nhất và đáp ứng đúng tiến độ của chủ đầu tư nhằm nâng cao uy tín và vị thế của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty với các doanh nghiệp cùng ngành và đang thực hiện nhiều hợp đồng cung cấp dịch vụ địa chất khác với các doanh nghiệp ngoài TKV để gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Dự kiến trong tương lai, Công ty định hướng mở rộng hơn nữa việc tìm kiếm, khai thác các hợp đồng với đối tác ngoài TKV nhằm tăng cao hơn nữa doanh thu và lợi nhuận

❖ ***Nhãn hiệu thương mại***

Hiện tại, Công ty chưa xây dựng nhãn hiệu thương mại, Công ty đang sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Theo quy chế sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn sau khi chuyển sang công ty cổ phần vào năm 2016, Công ty phải trả chi phí sử dụng nhãn hiệu TKV và VINACOMIN hàng năm cho Tập đoàn.

❖ ***Các hợp đồng hợp tác kinh doanh***

Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết:

Bảng 6: Các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Số hiệu hợp đồng	Loại hình hợp đồng	Đối tác	Hiệu lực	Giá trị (triệu đồng)
1	01/HĐ-TMK-ĐVB ngày 01/01/2015	Đề án thăm dò mỏ than Mạo Khê – Đông Triều – Quảng Ninh	Công ty than Mạo Khê – TKV	31/12/2016	101.155
2	310/HĐ-KHMD ngày 10/7/2015	Đề án khoan TDBS khu trung tâm mỏ than Mông Dương – Cẩm Phả - Quảng Ninh	Công ty CP than Mông Dương – Vinacomin	30/5/2016	36.154
3	80A/HĐKT-THT-ĐVB ngày 15/8/2014	Đề án khoan TDBS mỏ than Đồng Vông – Công ty than Hồng Thái	CN Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam – Công ty than Hồng Thái – TKV	31/12/2016	45.552
4	348/HD-TVD-ĐVB ngày 15/5/2015	Đề án khoan TDBS Vàng Danh	Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin	31/12/2016	71.776
5	16A/HĐKT-THL-ĐVB ngày 18/3/2014	Đề án khoan TDBS Bắc Cọc Sáu – Công ty than Hạ Long	Công ty than Hạ Long	31/12/2016	19.782
6	145/HĐKT-THL-ĐVB ngày 04/4/2014	Đề án khoan TDBS Hà Ráng – Công ty than Hạ Long	Công ty than Hạ Long	31/12/2016	602
7	25/HĐKT ngày 06/2/2015	Phương án khoan (trên mặt đất) phục vụ khai thác năm 2015 – Công ty than Nam Mẫu – TKV	Công ty than Nam Mẫu – TKV	31/12/2016	8.873

(Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV)

9. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

9.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu Công ty Mẹ			Số liệu Hợp nhất		
	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm năm 2015 so với năm 2014	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm năm 2015 so với năm 2014
Tổng giá trị tài sản	193.218	204.486	5,83%	218.773	204.486	-6,53%

Vốn chủ sở hữu	81.987	88.519	7,97%	93.701	88.519	-5,53%
Doanh thu thuần	215.242	220.567	2,47%	312.684	261.508	-16,37%
Lợi nhuận từ HĐKD	4.676	3.111	-33,46%	6.399	3.111	-51,38%
Lợi nhuận khác	-285	-101	-64,42%	839	-101	-112,08%
Lợi nhuận trước thuế	4.391	3.010	-31,45%	7.239	3.010	-58,42%
Lợi nhuận sau thuế	3.619	2.121	-41,40%	5.580	2.121	-62,00%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

9.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- **Thuận lợi**

Công ty thực hiện công tác khảo sát, thăm dò theo quy hoạch phát triển ngành than của Tập đoàn TKV. Hàng năm Tập đoàn TKV và Công ty ký hợp đồng phối hợp kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ nên doanh thu của Công ty tương đối ổn định, đảm bảo đủ công việc và thu nhập cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng khai thác thêm các hợp đồng cung cấp dịch vụ địa chất khác với các doanh nghiệp ngoài TKV để gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Công ty có hệ thống máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ chuyên dùng trong công tác khoan, thăm dò than, khoáng sản tương đối đồng bộ và hiện đại như các thiết bị khoan sâu chuyên dụng (trên 1200m), trạm đo Địa vật lý (đến 2000m), hệ thống thiết bị thí nghiệm đạt chuẩn LASXD; VILAS; ISO 17025...

Công ty có đội ngũ lao động nhiệt tình tâm huyết với nghề có trình độ chuyên môn phù hợp, tay nghề cao đáp ứng được các yêu cầu phức tạp của công việc.

- **Khó khăn**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khảo sát, thăm dò than, khoáng sản. Với địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn trong đời sống và việc đi lại của người lao động. Ngoài ra điều kiện thi công khoan thăm dò cũng rất khó khăn, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới.... Theo đó, các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng để khắc

phục những khó khăn trên.

Tháng 8/2015, Công ty bị thiệt hại nặng nề từ đợt mưa lũ ở Mông Dương tỉnh Quảng Ninh. Công ty bị chôn vùi một máy khoan và các công cụ dụng cụ, vật tư khác, con số thiệt hại ước tính lên tới 5 tỷ đồng.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay, số lượng các công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, nguồn nước, khoáng sản, than và hoạt động thí nghiệm các loại mẫu than, khoáng sản, đất đá, nước không nhiều trên thị trường, do đây là lĩnh vực ngành nghề đòi hỏi nhiều về trình độ kỹ thuật và công nghệ. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa chất, khoáng sản tuy ít nhưng đều là những doanh nghiệp lớn, có đầy đủ kinh nghiệm, khả năng hoạt động nên sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành tương đối quyết liệt.

Công ty có lợi thế là công ty con của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có nhiều uy tín, kinh nghiệm và được khách hàng trong ngành tạo điều kiện thuận lợi, do đó Công ty có một lợi thế nhất định trong việc cạnh tranh với các công ty ngoài Tập đoàn khác.

Thêm vào đó, số lượng công ty thuộc Tập đoàn hoạt động về lĩnh vực thăm dò địa chất, khoáng sản là không nhiều mà nhu cầu về hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản, nguồn nước cho các Công ty thuộc Tập đoàn là lớn, nhất là các công ty về khai thác than đã tạo cho Công ty một lợi thế cạnh tranh lớn hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành khác.

Với sự phát triển ngành công nghiệp than - khoáng sản nói chung và Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản nói riêng, Công ty luôn sẽ nhận được sự hỗ trợ từ phía các công ty con cùng Tập đoàn và đặc biệt là chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty sẽ đảm bảo cho Công ty hoạt động kinh doanh phát triển và có sức cạnh tranh với các công ty trong ngành khác.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Lĩnh vực khoan thăm dò than của Công ty phụ thuộc vào nhu cầu khai thác, sản xuất than của Tập đoàn và thị trường. Than là một ngành then chốt đối với nền kinh tế Việt Nam và nhận được nhiều sự hỗ trợ từ nhà nước. Theo chỉ đạo mới của Nhà nước tới năm 2020, định hướng đến năm 2030 thì một số Đề án về thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng than đồng bằng sông Hồng đang được đưa vào hoạt động.

Để đáp ứng nhu cầu trong nước góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia nên ngành Than đã dự kiến đến năm 2015 đạt 50 - 55 triệu tấn, năm 2020: 50 - 60 triệu tấn, năm 2025: 70 - 75 triệu tấn. Định hướng phát triển nói trên là cần thiết, nhất là những năm tới khi các dự án nhiệt điện, sản xuất xi măng có công suất lớn đi vào hoạt động thì sức tiêu thụ của các mảng này cũng cần tới 14 - 15 triệu tấn than/năm.

Trên thị trường nội địa, ngành điện là khách hàng tiêu thụ than lớn nhất (trung bình 35%

tổng cầu). Theo quy hoạch phát triển ngành điện, Việt Nam sẽ phát triển thêm 3000 MW nguồn nhiệt điện than và tối thiểu 4500-5500 MW, nguồn nhiệt điện trong năm tiếp theo với dự kiến tốc độ tăng trưởng của điện khoảng 7,5% - 8%/1 năm cùng nhiều dự án về điện đang được triển khai.

Ngoài ra, các ngành tiêu thụ than khác như xi măng, giấy, hóa chất... cũng đang có tốc độ tăng trưởng cao. Điều này mang lại dấu hiệu tích cực về sức cầu than trong những năm tới và đó cũng là gián tiếp khẳng định nhu cầu khoan thăm dò địa chất nói chung và khoan thăm dò than nói riêng có điều kiện phát triển.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của công ty là **546** người với cơ cấu như sau:

Bảng 8: Cơ cấu lao động của Công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	546	100
- Trên đại học	04	0,8
- Đại học	142	26
- Trung cấp, cao đẳng	52	9,5
- Lao động phổ thông	35	6,4
- Công nhân kỹ thuật	313	57,3
Phân theo HĐ lao động	546	100
- Hợp đồng không xác định thời hạn	406	74,4
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	125	22,9
- Hợp đồng thời vụ	15	2,7
Phân theo giới tính	546	100
- Nam	469	85,9
- Nữ	77	14,1

(Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV)

11.2. Chính sách đối với người lao động

Các chế độ chính sách đối với người lao động luôn luôn được Công ty chú trọng và thực

hiện nghiêm túc, thể hiện ở các điểm sau:

- Công ty luôn đảm bảo công việc đều đặn cho toàn thể CBCNV, mức thu nhập bình quân của CBCNV ổn định qua các năm, cụ thể:
 - + Năm 2014: 7.073.744 đồng/người/tháng.
 - + Năm 2015: 9.768.052 đồng/người/tháng.
- Thực hiện nghiêm túc các chế độ làm việc cho CBCNV như: bồi dưỡng làm ca, chế độ khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV, chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản...đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ kịp thời cho người lao động.
- Thường xuyên chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong toàn công ty: tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, thực hiện nếp sống văn minh lịch sự.
- Công tác an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp được đặc biệt quan tâm chú trọng, việc huấn luyện an toàn lao động và trang bị bảo hộ cho người lao động được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Công ty quy định, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức HĐQT đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Từ năm 2015 trở về trước Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước. Năm 2015, Công ty thực hiện cổ phần hóa và đến thời điểm 03/02/2016, Công ty bắt đầu chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

13. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành.

Số liệu tại báo cáo kiểm toán tại thời điểm 31/12/2015 có một số khoản mục chi tiết tại thời điểm 31/12/2014 và 01/01/2015 đã được phân loại lại một số chỉ tiêu tài chính tại thời điểm cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể các điều chỉnh được nêu rõ trong thuyết minh số 30 của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán và Thuyết minh số 31 của Báo cáo tài chính riêng năm 2015 đã được kiểm toán.

❖ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình và vô hình. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	5-50
Máy móc thiết bị	5-20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10

(Nguồn: Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV)

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các khoản nợ phải trả, không có khoản nợ quá hạn trên một năm.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Điều lệ, Công ty sẽ sử dụng một phần lợi nhuận để thành lập quỹ dự phòng và các quỹ khác mà pháp luật yêu cầu. Số dư các quỹ qua các năm của Công ty như sau:

Bảng 9: Bảng trích lập các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu Công ty Mẹ		Số liệu hợp nhất	
	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	1.408	0
Quỹ dự phòng tài chính	0	0	0	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.339	3.137	7.941	3.137

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Trong đó, Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm bổ sung vốn điều lệ, đầu tư mở rộng quy mô hoạt động SXKD, đổi mới công nghệ trang thiết bị hoặc sử dụng để đầu tư góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần.

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 10: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số liệu báo cáo riêng	Số liệu báo cáo hợp nhất
-----	-----------	-----------------------	--------------------------

		31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	129.425	150.350	149.073	150.350
1	Phải thu khách hàng	121.366	148.149	141.378	148.149
2	Trả trước người bán	183	656	377	656
3	Phải thu nội bộ	7.326	0	7.326	0
4	Các khoản phải thu khác	844	1.545	1.071	1.545
5	Dự phòng phải thu khó đòi	-293	0	-1.080	0
II	Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
	Tổng cộng	129.425	150.350	149.073	150.350

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015 của
Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)*

❖ **Tổng dư nợ vay**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số liệu Công ty Mẹ		Số liệu toàn Công ty	
		31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
1	Vay và Nợ ngắn hạn	0	9.078	9.998	9.078
2	Vay và nợ dài hạn	11.312	0	11.312	-
	Tổng cộng	11.312	9.078	21.310	9.078

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng số 119053.15.0.1084161 ký ngày 25/6/2015 với Ngân hàng TMCP Quân Đội – SGDI. Hạn mức cho vay 30.000.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất cho vay cố định là 7,3%.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 783.14.002.1084161.TD ký ngày 4/11/2014 và hợp đồng cấp tín dụng số 119017.15.002.1084161.TD ký ngày 25/6/2015 với Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay từ 9% đến 10%. Mục đích vay để đầu tư thiết bị duy trì sản xuất. Tính đến ngày 31/12/2015, khoản vay này không còn số

đư.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 35/2013-KH1/CMF/TDTH ngày 25/07/2013, Hợp đồng tín dụng số 36/2013-KH1/CMF/TDTH ngày 25/07/2013 và hợp đồng cấp tín dụng số 36/2012-KH1/CMF/TDTH ngày 06/09/2012 ký với Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay từ 9% đến 10%. Mục đích vay để đầu tư thiết bị duy trì sản xuất. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tính đến ngày 31/12/2015, khoản vay này không còn số dư.

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 11: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số liệu Công ty Mẹ		Số liệu hợp nhất	
		31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015
I	Nợ ngắn hạn	99.919	115.967	113.760	115.967
1	Vay và nợ ngắn hạn	0	9.078	9.998	9.078
2	Phải trả người bán	54.146	60.967	45.574	60.967
3	Người mua trả tiền trước	228	7.229	248	7.229
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.028	7.026	10.129	7.026
5	Phải trả người lao động	23.678	16.667	29.234	16.667
6	Chi phí phải trả	72	11	76	11
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.429	11.852	10.560	11.852
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	-	-	-
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.339	3.137	7.941	3.137
II	Nợ dài hạn	11.312	-	11.312	-
1	Vay và nợ dài hạn	11.312	-	11.312	-
	Tổng cộng	111.231	115.967	125.073	115.967

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

❖ **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu Công ty Mẹ			Số liệu hợp nhất		
		Năm 2014	Năm 2015	% Tăng giảm	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng giảm
1. Khả năng thanh toán							
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,45	1,48	2,5%	1,55	1,48	-4,1%
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,34	1,43	7,2%	1,36	1,43	5,3%
2. Cơ cấu vốn							
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	lần	0,58	0,57	-1,5%	0,57	0,57	-0,8%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,36	1,31	-3,4%	1,33	1,31	-1,9%
3. Năng lực hoạt động							
Vòng quay hàng tồn kho	lần	16,03	24,44	52,5%	12,58	18,02	43,3%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,11	1,08	-3,2%	1,43	1,28	10,5%
4. Khả năng sinh lời							
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,02	0,01	-42,8%	0,02	0,01	54,6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,04	0,03	-41,4%	0,06	0,02	59,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,02	0,01	-44,6%	0,03	0,01	59,3%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,022	0,014	-35,1%	0,020	0,012	41,9%

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014, 2015 của Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

14. Tài sản (Nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)

14.1. Tài sản cố định tại ngày 31/12/2015

Bảng 13: Tài sản cố định tại ngày 31/12/2015 của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
1	Tài sản cố định hữu hình	92.542	31.590	34,1%

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
	- Nhà cửa, vật kiến trúc	6.539	5.481	83,8%
	- Máy móc thiết bị	75.354	22.827	30,3%
	- Phương tiện vận tải	10.189	3.228	31,7%
	- Thiết bị, dụng cụ quản lý	408	54	13,2%
	- Tài sản cố định khác	53	-	0,0%
2	Tài sản cố định vô hình	1.340	524	39,1%
3	Chi phí xây dựng dở dang	-	-	
	Tổng cộng	93.883	32.115	34,2%

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty mẹ đã kiểm toán năm 2015 Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV)

14.2. Tình hình đất đai của Doanh nghiệp tại thời điểm 31/03/2016

Chi tiết về từng vị trí lô đất Công ty đang sử dụng:

Bảng 14: Tình hình đất đai của Công ty

TT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý
1.	Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	18.178	Xây dựng cơ sở làm việc, kho xưởng và nhà ở CBCNV	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê 20 năm từ 1/1/1996 đến 1/1/2016	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 5394/QĐ-UB ngày 13/12/1990 về việc cho phép Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật 3 sử dụng chính thức 16.712 m² đất thuộc địa giới hành chính xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm. - Quyết định 1038/QĐ-UB ngày 15/4/1985 về việc cho phép Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế và dịch vụ kỹ thuật 3 sử dụng chính thức 10.000 m² đất thuộc địa giới hành chính xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm. - Hợp đồng thuê đất số 46-245/ĐC-NĐ-HĐĐ giữa Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội và Xí nghiệp Thăm dò khảo sát và dịch vụ kỹ thuật.

TT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Cơ sở pháp lý
2.	Thôn Địa Chất, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	12.628	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Thuê đất, trả tiền hàng năm, thời hạn thuê từ ngày 19/10/2011 đến ngày 15/10/2043	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND tỉnh Tuyên Quang cho chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin - Xí nghiệp Địa chất 109 thuê đất với diện tích 12.628 m². - Hợp đồng thuê đất số 28/HĐTĐ ngày 14/6/2012 giữa UBND tỉnh Tuyên Quang và chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin - Xí nghiệp Địa chất 109 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00437 ngày 06/9/2012
Tổng		30.806			

(Nguồn: Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2015 - 2016 như sau:

Bảng 15: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ Tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	
			Thực hiện	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2015
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	83.000	86.000	3,6%
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	220.567	222.000	0,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.010	6.200	106,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.121	4.960	133,9%
6	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,96	2,2	129,2%
7	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	2,6	5,8	123,1%
8	Cổ tức	%	-	4,5	

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 25/12/2015-

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch**

- Tập trung chỉ đạo SXKD theo nội dung chương trình hành động, Nghị quyết của Đảng bộ, Nghị quyết Hội nghị Người lao động **năm 2016, nhằm thực hiện tốt nhất, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2016.**
- Tích cực đổi mới công tác quản lý, hoàn thiện công nghệ thi công thăm dò trong các vùng khó khăn như khoan qua tầng đá thải lớn, qua lò, trượt tầng, sập lở mất nước... mở rộng các loại hình dịch vụ kỹ thuật, phục vụ yêu cầu về quản lý kỹ thuật công nghệ khai thác tài nguyên, khoáng sản của TKV.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, đầu tư, áp dụng công nghệ mới, hiện đại, phù hợp nhằm không ngừng nâng cao năng suất khoan thăm dò, đặc biệt trong điều kiện địa tầng phức tạp khó khăn.
- Đặc biệt cần tăng cường đẩy mạnh công tác quản lý kỹ thuật và các biện pháp đảm bảo an toàn. Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên để phát hiện, ngăn ngừa nguy cơ xảy ra sự cố công trình, sự cố thiết bị, tai nạn lao động, hậu quả do mưa bão gây ra, đảm bảo sản xuất an toàn.
- Thực hiện đúng tiến độ các đề án thăm dò, hoàn thành các báo cáo địa chất với chất lượng có độ tin cậy cao để phục vụ các dự án khai thác than trước mắt và lâu dài theo quy hoạch phát triển ngành than TKV; Thực hiện tốt công tác chuẩn bị trước khi thi công các công trình địa chất, giảm thiểu thời gian chờ đợi ngừng nghỉ của các tổ máy.
- Thực hiện tốt quy chế ĐTXDCB do nhà nước, Tập đoàn ban hành, đặc biệt thực hiện tốt trình tự đầu tư, đảm bảo các dự án đầu tư đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục hoàn thiện tốt hơn nữa công tác khoán, quản trị chi phí ở tất cả các hoạt động SXKD từ bộ phận trực tiếp đến gián tiếp, trên tinh thần tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm; Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện việc sắp xếp bố trí lao động hợp lý sau khi thực hiện xong kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp.
- Chủ động mở rộng thị trường khảo sát, thăm dò địa chất trong và ngoài Tập đoàn, để không ngừng tăng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của người lao động.
- Quan tâm thiết thực ngày một tốt hơn đến cơ sở vật chất nơi làm việc và đời sống sinh hoạt của người lao động, nhất là những đối tượng là lao động trực tiếp, tạo điều kiện cho người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo, thi đua hăng say lao động, với mục tiêu tăng năng suất lao động, chất lượng tốt và hiệu quả kinh tế cao.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty

Không có

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Huy động mọi nguồn vốn đầu tư để mở rộng sản xuất, kinh doanh.

- Doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, ổn định và từng bước tăng thu nhập cho người lao động.
- Chủ động mở rộng thị trường khảo sát, thăm dò trong và ngoài Tập đoàn TKV.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có)

Không có

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, chi tiết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
2	Lê Đức Long	Thành viên HĐQT – Giám đốc	Thành viên điều hành
3	Nguyễn Danh Tuyên	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	Thành viên điều hành
4	Nguyễn Vũ Hải	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	Thành viên điều hành – Giám đốc XN109
5	Đặng Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành

1.2. Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT

1.2.1 Ông Nguyễn Văn Dậu – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Văn Dậu
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/10/1957
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Thành phố Uông bí, tỉnh Quảng Ninh
Chứng minh nhân dân	100773145
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác
Quá trình công tác	
- Từ 3/1982-8/1982	Công nhân Khai thác Việt Bắc - Việt Bắc than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh

*Thông tin tóm tắt - CTCP Địa chất Việt Bắc -
TKV*

- Từ 9/1982- 5/1993	Nhân viên phòng Kỹ thuật- Việt Bắc than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 6/1993-7/1994	Quản đốc phân xưởng khai thác I - Việt Bắc than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 8/1994- 02/1995	Trợ lý Giám đốc Việt Bắc than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 3/1995- 7/1999	Phó Giám đốc Việt Bắc than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh.
- Từ 7/1999- 9/2007	Giám đốc Công ty than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 10/2007-12/2010	Giám đốc Kho vận Đá Bạc- TKV, Uông Bí, Quảng Ninh
- Từ 01/2011-5/2015	Giám đốc Kho vận Hòn Gai- Vinacomin, Hạ Long, Quảng Ninh
- Từ 6/2015- 7/2015	Trưởng Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)
- Từ 7/2015 – 10/2015	Trưởng ban quản lý vốn TKV kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV; Kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty than Mông Dương – Vinacomin.
- Từ 11/2015 – 2/2016	Trưởng ban quản lý vốn TKV kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV; kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV; Kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty than Mông Dương – Vinacomin.
- Từ 02/2016 đến nay	Trưởng ban quản lý vốn TKV kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV; kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV; Kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty than Mông Dương – Vinacomin.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	- Trưởng ban quản lý vốn TKV tại Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần than Mông Dương- Vinacomin - Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Môi Trường - TKV - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	10.000 cổ phần
Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn TKV tính đến ngày 08/03/2016	7.912.000 cổ phần

Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	5.400.000 đồng/tháng

1.2.2. Ông Lê Đức Long – Thành viên HĐQT điều hành – Giám đốc Công ty

Họ và tên	Lê Đức Long
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	04/10/1963
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Vũ Thư, Thái Bình
Địa chỉ thường trú	Tập thể xí nghiệp thăm dò khảo sát và dịch vụ kỹ thuật, Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	012885728
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Địa chất thăm dò
Quá trình công tác	
- Từ 4/1985- 4/2001	Kỹ sư địa chất xí nghiệp Thăm dò Khảo sát thiết kế & DVKT
- Từ 5/2001 - 4/2002	Phó phòng Địa chất, Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát thiết kế & DVKT
- Từ 5/2002 -09/2007	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát Thiết kế & DVKT
-Từ 10/2007 – 09/2010	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát Thiết kế - VVMI
- Từ 10/2010 – 10/2012	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa Chất Việt Bắc – VINACOMIN
- Từ 11/2012 – 10/2014	Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – VINACOMIN
Từ 11/2014 – 6/2015	Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV
Từ 7/2015 – 01/2016	Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV
Từ 2/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV

Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 31/03/2016	33.700 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.600.000 đồng/tháng

1.2.3. Ông Nguyễn Danh Tuyên – Thành viên HĐQT điều hành

Họ và tên	Nguyễn Danh Tuyên
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/06/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Xã Tử Đà, Phong Châu, Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú	Phòng 401 - Nhà A4 - Khu Đô thị mới Đền Lừ II - Hoàng Mai - Hà Nội.
Chứng minh nhân dân	013369710
Trình độ chuyên môn	Địa chất thăm dò
Quá trình công tác	
- Từ 06/2002 – 4/2005	Kỹ sư mỏ địa chất, Công ty Xây lắp Vật tư Kỹ thuật
- Từ 05/2005 – 03/2006	Kỹ sư mỏ địa chất, Xí nghiệp Xây lắp 2 – Công ty Xây lắp Vật tư Kỹ thuật
- Từ 04/2006 – 09/2007	Kỹ sư Địa chất, Xí nghiệp Thăm dò Khảo sát thiết kế & DVKT
- Từ 10/2007 - 5/2009	Kỹ sư Địa chất phòng Kỹ thuật thăm dò XN TDKS TK - VVMI
- Từ 6/2009 – 9/2010	Phó phòng Kỹ thuật thăm dò XN TDKS TK - VVMI
- Từ 10/2010 – 5/2011	Phó phòng Kỹ thuật thăm dò, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – VINACOMIN
- Từ 06/2011 – 01/2012	Trợ lý giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – VINACOMIN
- Từ 02/2012 – 10/2012	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – VINACOMIN

Từ 11/2012 –10/2014	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – VINACOMIN, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoan và DVKT khai thác mỏ
Từ 11/2014 – 9/2015	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoan và DVKT khai thác mỏ
Từ 10/2015 - 1/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc – TKV
- Từ 2/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 31/03/2016	16.300 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.600.000 đồng/tháng

1.2.4. Ông Nguyễn Vũ Hải – Thành viên HĐQT điều hành

Họ và tên	Nguyễn Vũ Hải
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/12/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Ý Yên, Nam Định
Địa chỉ thường trú	Tổ dân phố Tân Kỳ, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang
Chứng minh nhân dân	070681018
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Địa chất công trình – Địa Kỹ thuật
Quá trình công tác	
- Từ 11/2000 – 12/2000	Thủ việc tại Xí nghiệp Thăm dò Khai thác khoáng sản

	109 – Công ty Kim loại màu Thái Nguyên
- Từ 01/2001 – 08/2006	Cán bộ phòng kỹ thuật Xí nghiệp Thăm dò Khai thác khoáng sản 109 – Công ty Kim loại màu Thái Nguyên
- Từ 9/2006 - 5/2007	Phó phòng kỹ thuật Xí nghiệp Thăm dò Khai thác khoáng sản 109 – Công ty Kim loại màu Thái Nguyên
- Từ 6/2007 - 2/2008	Trưởng phòng kỹ thuật thi công Công ty Thăm dò Khai thác khoáng sản 109 – TKV
- Từ 3/2008 - 7/2009	Trưởng phòng Địa chất khoáng sản Công ty Thăm dò Khai thác khoáng sản 109 – TKV
Từ 8/2009 – 3/2010	Trợ lý Giám đốc – Công ty thăm dò Khai thác khoáng sản 109 - TKV
Từ 4/2010 – 7/2010	Phó giám đốc Kỹ thuật – Công ty thăm dò Khai thác Khoáng Sản 109 - TKV
Từ 7/2010 – 9/2010	Giám đốc Công ty thăm dò Khai thác Khoáng Sản 109 - TKV
Từ 10/2010 - 10/2014	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa Chất Việt Bắc – VINACOMIN, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Địa chất 109
Từ 11/2014 – 01/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa Chất Việt Bắc – TKV, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Địa chất 109
- Từ 2/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Địa Chất Việt Bắc – TKV, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Địa chất 109
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Địa Chất Việt Bắc – TKV, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Địa chất 109
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 31/03/2016	13.400 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Bà Nguyễn Thị Xen, số CMND: 070705534, quan hệ: Vợ; Sở hữu 600 cổ phần của Công ty
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.600.000 đồng/tháng

1.2.5. Ông Đặng Quốc Tuấn – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Đặng Quốc Tuấn
Giới tính	Nam

Ngày tháng năm sinh	28/01/1971
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Cẩm Phả, Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	1604, 21T2, HAPULICO COMPLEX, 81 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	100689955
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Khai Thác
Quá trình công tác	
- Từ 7/1993 – 4/1995	Cán bộ Xí nghiệp Than Bái Tử Long
- Từ 05/1995 – 8/1996	Cán bộ Công ty Than Cẩm Phả
- Từ 9/1996 – 8/1999	Cán bộ Công ty Than Hạ Long
- Từ 9/1999 – 11/2004	Phó phòng Kế hoạch, Công ty Than Hạ Long
- Từ 12/2004 – 4/2010	Phó Giám đốc, Công ty Than Hạ Long
- Từ 5/2010 – 4/2011	Phó trưởng ban, phụ trách ban thư ký tổng Giám đốc, Tập đoàn CN Than – Khoáng Sản Việt Nam
- Từ 5/2010 – 4/2012	Phó trưởng ban kế hoạch, Tập đoàn CN Than – Khoáng Sản Việt Nam
- Từ 5/2012 – 10/2013	Trưởng ban Công nghệ Thông tin, Tập đoàn CN Than – Khoáng Sản Việt Nam
- Từ 11/2013 – 02/2016	Phó Trưởng ban khoa học, CNTT, Chiến lược phát triển, Tập đoàn CN Than – Khoáng Sản Việt Nam
- Từ 03/2016 đến nay	Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Không

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 người, trong đó:

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Tấn | : Trưởng ban Kiểm soát |
| 2. Bà Trần Thị Kim Thanh | : Thành viên |
| 3. Bà Vũ Thị Thủy | : Thành viên |

Tóm tắt Sơ yếu lý lịch của Thành viên Ban kiểm soát

2.1. Ông Nguyễn Văn Tấn .– Trưởng ban Kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Văn Tấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	5/6/1973
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Thị trấn Văn Giang, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	Số 510 nhà VP3 Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
Chứng minh nhân dân	101074386
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán Tài chính
Quá trình công tác	
- Từ 6/2002 - 11/2007	Trưởng phòng, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Than Đồng Vông
- Từ 11/2007 – 10/2015	Trưởng phòng, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV than Uông Bí
- Từ 10/2015 – 01/2016	Phó trưởng ban Kiểm soát nội bộ, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
- Từ 02/2016 đến nay	Phó trưởng ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Kiêm trưởng ban kiểm soát Công ty CP Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ hiện nay	Phó Ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 31/03/2016	0 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không

Thù lao và lợi ích khác	4.600.000 đồng/tháng
-------------------------	----------------------

2.2. Bà Trần Thị Kim Thanh - Thành viên

Họ và tên	Trần Thị Kim Thanh
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	21/02/1975
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Hòn Gai - Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú	Nhà số 18 ngách 27 ngõ 135 phố Núi Trúc - Ba Đình - Hà Nội
Chứng minh nhân dân	100695404
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
- Từ 10/1994 – 12/1995	Công nhân, Xí nghiệp Vật tư vận tải và tiêu thụ
- Từ 01/1996 – 12/1997	Công nhân, Công ty than Dương Huy
- Từ 01/1998 – 11/2002	Kế toán viên, Công ty than Dương Huy
- Từ 12/2002 – 09/2008	Chuyên viên, Xí nghiệp thăm dò Khảo sát thiết kế & Dịch vụ kỹ thuật
- Từ 10/2008 – 09/2010	Chuyên viên, Xí nghiệp thăm dò Khảo sát thiết kế - VVMI
Từ 10/2010 – 09/2011	Chuyên viên, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - VINACOMIN
Từ 10/2011 – 10/2014	Phó phòng Kinh tế Kế hoạch, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - VINACOMIN
Từ 11/2014 - 01/2016	Phó phòng Kinh tế Kế hoạch, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV
- Từ 02/2016 đến nay	Phó phòng Kinh tế Kế hoạch, Thành viên Ban Kiểm Soát , Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ hiện nay	Phó phòng Kinh tế Kế hoạch, Thành viên Ban Kiểm Soát , Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 31/03/2016	2.000 cổ phần

Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.200.000 đồng/tháng

2.3. Bà Vũ Thị Thủy - Thành viên

Họ và tên	Vũ Thị Thủy
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/12/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	TT Ninh Giang - Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Phòng 2208 CT12B Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Chứng minh nhân dân	142013240
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
- Từ 11/2003 – 12/2003	Hợp đồng thử việc Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế & Dịch vụ kỹ thuật
- Từ 1/2004 – 07/2009	Chuyên viên phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính - XN Thăm dò khảo sát thiết kế & Dịch vụ kỹ thuật
- Từ 8/2009 – 9/2010	Chuyên viên phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính, XN Thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI
- Từ 10/2010 – 01/2012	Phó phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính, Công ty TNHH MTV địa chất Việt Bắc - VINACOMIN
- Từ 02/2012 – 10/2014	Phụ trách phòng Kiểm toán, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - VINACOMIN
Từ 11/2014 – 9/2015	Phụ trách phòng Kiểm toán, Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV
Từ 10/2015 – 01/2016	Phó phòng Tổ chức – LĐTL Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV
- Từ 02/2016 đến nay	Phó phòng Tổ chức – LĐTL, Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ hiện nay	Phó phòng Tổ chức – LĐTL, Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 31/03/2016	5.100 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	4.200.000 đồng/tháng

3. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc gồm có 04 người, trong đó:

1. Ông Lê Đức Long: Giám đốc
(Sơ yếu lý lịch của Ông Long đã được nêu ở trên)
2. Ông Nguyễn Danh Tuyên: Phó Giám đốc
(Sơ yếu lý lịch của Ông Tuyên đã được nêu ở trên)
3. Ông Nguyễn Vũ Hải: Phó Giám đốc
(Sơ yếu lý lịch của Ông Hải đã được nêu ở trên)
4. Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt: Kế toán trưởng

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt – Kế toán trưởng

Họ và tên	Đỗ Thị Minh Nguyệt
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	09/03/1972
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Nơi sinh	Yên Bằng, Ý Yên, Nam Định
Địa chỉ thường trú	Nhà số 1 Ngõ 68 Phố Đoàn Thị Điểm - Đống Đa - Hà Nội
Chứng minh nhân dân	012506638
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
- Từ 11/1993 – 11/1994	Hợp đồng thử việc Xí nghiệp Thăm dò khảo sát thiết kế & Dịch vụ kỹ thuật
- Từ 12/1994 – 01/1999	Cán sự - XN Thăm dò khảo sát thiết kế & Dịch vụ kỹ thuật
- Từ 02/1999 – 05/1999	Phó phòng Tài chính Kế toán, XN Thăm dò khảo sát thiết kế & Dịch vụ kỹ thuật

- Từ 06/1999 – 09/2007	Phó phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính, XN Thăm dò khảo sát thiết kế & Dịch vụ kỹ thuật
- Từ 09/2008 – 07/2009	Phó phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính, XN Thăm dò khảo sát thiết kế - VVMI
- Từ 08/2009 – 09/2010	Kế toán trưởng XN Thăm dò khảo sát thiết - VVMI
- Từ 10/2010 – 10/2014	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - VINACOMIN
- Từ 11/2014 – 01/2016	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - TKV
- Từ 2/2016 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến 08/03/2016	20.000 cổ phần
Số cổ phiếu của những người liên quan	Ông Nguyễn Văn Khánh, quan hệ: Chồng. Số CMND: 012506637; Sở hữu 10.000 cổ phần của Công ty
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác	Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Công ty vừa thực hiện chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần, do vậy công tác quản trị công ty cổ phần đối với Công ty là khá mới. Ban đầu, Công ty cơ cấu lại nhân sự, tập trung đào tạo nhân sự chủ chốt là các cán bộ quản lý, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và những kiến thức, kinh nghiệm trong quản lý, điều hành công ty cổ phần. Đồng thời, Công ty sẽ xây dựng một số quy trình như quy trình công bố thông tin, mời họp ĐHCĐ... Xây dựng cơ chế giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty; giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

